

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2026

Phần 1. Thông tin chung

Tên trường: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng.

Địa chỉ: Khu Đô thị Đại học, Phường Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

<https://www.vku.udn.vn>

Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

<https://www.facebook.com/vku.udn.vn>

Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0236 655 2688

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (VKU) là trường đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học công lập hàng đầu và duy nhất tại miền Trung – Tây Nguyên đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực Công nghệ thông tin, Truyền thông và Kinh tế số.

VKU tọa lạc trên khu đất rộng 21,5 héc ta trong khuôn viên Đô thị ĐHĐN, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Với kiến trúc xây dựng hiện đại và đồng bộ được đầu tư với hơn 1.000 tỷ đồng từ Chính phủ Việt Nam và 16,2 triệu USD từ nguồn tài trợ ODA của Chính phủ Hàn Quốc. Cơ sở vật chất khang trang, thiết bị hỗ trợ giảng dạy chuyên dụng được trang bị tại các phòng thực hành, thí nghiệm, như: hệ thống Điện toán đám mây, thực tại ảo, truyền thông đa phương tiện, thiết kế đồ họa, thiết kế vi mạch bán dẫn, lập trình di động, hệ thống nhúng,...; Thư viện có sức chứa hơn 1.500 sinh viên; tòa nhà Trung tâm sinh viên hợp với Khu thể thao ngoài trời được trang thiết bị phục vụ vui chơi, giải trí, thể dục thể thao; Ký túc xá với 3 Block 5 tầng đáp ứng chỗ ở cho gần 5.000 sinh viên.

VKU có đội ngũ cán bộ viên chức, quản lý và giảng viên hùng hậu đáp ứng số lượng và đảm bảo chất lượng để triển khai các chương trình đào tạo của Nhà trường. Số lượng cán bộ viên chức là 285, trong đó số lượng giảng viên là 191

với 07 Phó Giáo sư và 67 Tiến sĩ được đào tạo từ các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Anh Quốc, Hàn Quốc, Newzeland, Ba Lan, Đức, Úc,...

Hiện nay, quy mô đào tạo gần 6.000 sinh viên, mỗi năm chỉ tiêu tuyển sinh là 1.500 sinh viên với điểm đầu vào thuộc Top cao nhất tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên cho 15 ngành/chuyên ngành như: Công nghệ thông tin (CNTT), Công nghệ Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ truyền thông, An toàn thông tin, Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số, Quản trị tài chính số, Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành số, Quản trị Dự án Công nghệ thông tin, Thiết kế vi mạch bán dẫn. Định hướng quy mô đến năm 2025 sẽ là 10.000 sinh viên đại học và sau đại học. VKU theo đuổi triết lý giáo dục “Nhân bản – Phụng sự – Khai phóng” nhằm đào tạo và phát triển người học trở thành những con người toàn diện, thiện lương, đạo đức với tư duy năng động, đổi mới, sáng tạo cùng tinh thần luôn sẵn sàng phụng sự, dấn thân vì hạnh phúc và sự phát triển của đất nước, nhân loại dựa trên hệ thống giá trị cốt lõi: “Đức – Trí – Thể – Mỹ; Uy tín – Chất lượng – Chuyên nghiệp; Kế thừa – Đổi mới – Sáng tạo”.

VKU có mạng lưới hợp tác hơn 200 đối tác là các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước, là thành viên tổ chức ACIR,... và đang triển khai nhiều dự án, như: Dự án “Nâng cao năng lực giáo dục – đào tạo, quản trị và nghiên cứu giai đoạn 2022 – 2027” từ nguồn vốn ODA 7,7 triệu USD của Chính phủ Hàn Quốc; Dự án HEI ICI, Erasmus+, IPP...

Trên nền tảng thế mạnh sẵn có, cùng sự giúp đỡ của Chính phủ Hàn Quốc, với tầm nhìn trở thành trường đại học hàng đầu Việt Nam theo các chuẩn mực quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Truyền thông và Kinh tế số đáp ứng nhu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Phần 2. Nội dung đề án

2.1. Lý do xây dựng đề án

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ, CNTT đang được xem là công nghệ mũi nhọn trong định hướng chiến lược tiên phong chuyển đổi số tại Việt Nam và trên toàn cầu. Đây mạnh đầu tư phát triển vào lĩnh vực CNTT được xem là yếu tố cốt lõi, bảo đảm sự phát triển của đất nước và thành công của doanh nghiệp. Ngày 16/12/2020, Thủ

tướng Chính phủ đã ban hành quyết định QĐ 2117/QĐ-TTg-Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0, trong đó lĩnh vực công nghệ số được ưu tiên phát triển hàng đầu. Trước đó, ngày 01/7/2014, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Tại Việt nam, doanh thu năm 2022 của lĩnh vực CNTT đạt 77 tỉ USD, tăng 17%, lợi nhuận khoảng 5,9 tỉ USD, tăng 13%. Mục tiêu năm 2025, nền kinh tế kỹ thuật số chiếm 20% GDP, năm 2030 chiếm 30% GDP. Cũng trong năm 2022 này, khoảng 3.400 doanh nghiệp công nghệ kỹ thuật số được thành lập, hiện có khoảng 70.000 công ty làm việc trong lĩnh vực CNTT, trong khi đó, năm 2021 có 64.000 công ty, và năm 2020 có 58.000 công ty. Với tốc độ phát triển mạnh mẽ như hiện nay, nhu cầu lớn về nhân lực CNTT chất lượng cao vẫn tiếp tục tăng, nguồn nhân lực trong và ngoài nước về lĩnh vực này đang thật sự khan hiếm và thiếu hụt nghiêm trọng.

Trên thực tế, tỷ lệ lao động CNTT tại Việt nam chưa qua đào tạo hoặc đào tạo ở mức trung bình còn lớn, thiếu đội ngũ kỹ thuật công nghệ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý có hiểu biết, trình độ năng lực cao về CNTT, thiếu đội ngũ chuyên gia trong việc ứng dụng CNTT vào sản xuất thực tiễn. Đội ngũ phát triển CNTT trình độ cao (Senior) chỉ chiếm gần 20% và lãnh đạo cao cấp chỉ chiếm 7%. Bên cạnh đó, làn sóng gia tăng nhu cầu tuyển dụng nhân sự trình độ cao trong các lĩnh vực mới liên quan như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, tự động hóa quy trình robot, blockchain, internet vạn vật... cũng kéo theo sự khát nhân lực CNTT. Nhu cầu tuyển dụng nhân lực CNTT vẫn tiếp tục tăng cao do Việt nam đã thu hút được sự chú ý để đưa các công ty CNTT vào cùng nhóm phát triển sản phẩm trong khu vực, làn sóng khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực CNTT đang trở nên mạnh mẽ hơn, đặc biệt là sự đầu tư lớn cho các công ty khởi nghiệp về công nghệ, làn sóng chuyển đổi số và thương mại điện tử của các doanh nghiệp truyền thống trong các lĩnh vực du lịch, nông nghiệp, bất động sản,...

Trước nhu cầu cấp bách về nguồn nhân lực chất lượng cao đối với cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ cùng với các chiến lược phát triển CNTT của Quốc gia, khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ hội nhập; Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực sau đại học với trình độ chuyên môn cao, có tầm nhìn chiến lược, có khả năng nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức và công nghệ về các lĩnh vực liên quan đến CNTT nhằm

đáp ứng nhu cầu nhân lực, phục vụ phát triển bền vững kinh tế-xã hội của địa phương, khu vực Miền trung Tây nguyên, cũng như trên cả nước và vươn tầm quốc tế là mục tiêu và nhiệm vụ Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt – Hàn.

2.2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
8480201	Công nghệ thông tin	30	

2.3. Chương trình, địa điểm, thời gian và hình thức đào tạo

- Hình thức đào tạo: Chính quy (chương trình theo định hướng nghiên cứu).
- Địa điểm đào tạo: Trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn
- Thời gian đào tạo: 02 năm;

2.4. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển

2.4.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (chi tiết ở Phụ lục 1); yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (chi tiết ở Phụ lục 2);
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2.4.2. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định về ngoại ngữ để dự tuyển, khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c. Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương

đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Đề án này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d. Đạt trình độ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào bậc thạc sĩ do Trường/ ĐHQĐN tổ chức khi được Bộ GD&ĐT cho phép.

2.4.3. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài

Nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Ghi chú: Người dự tuyển có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có thể được Nhà trường yêu cầu thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.5. Phương thức tuyển sinh

2.5.1. Đối với ứng viên là công dân Việt Nam

a) Phương thức: Thi tuyển (đối với thí sinh có hồ sơ đạt yêu cầu)

b) Hình thức thi:

- Bài 1: Thi trắc nghiệm kiến thức phù hợp với lĩnh vực tuyển sinh (bằng tiếng Anh). Thời gian từ 90 phút đến 120 phút.

- Bài 2: Thí sinh sẽ xây dựng và trình bày định hướng nghiên cứu dự kiến (tối thiểu 02 trang A4, trên 1000 từ), xây dựng slides và trình bày trước hội đồng. Ngôn ngữ sử dụng cho bài thi này là tiếng Anh.

c) Nguyên tắc xét tuyển: Xét ưu tiên lần lượt từ cao xuống thấp theo điểm xét tuyển trong đó không có điểm môn thi nào dưới 5,0. Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển nhưng vượt chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố, Trường sẽ xét điểm ưu tiên theo mức từ cao xuống thấp theo điểm thi Bài 2. Nếu vẫn còn nhiều thí sinh vượt chỉ tiêu đã công bố sau khi sử dụng tiêu chí phụ là điểm thi Bài 2, điểm tích lũy toàn khóa ở bậc đại học được sử dụng là tiêu chí phụ thứ 2.

Điểm xét tuyển = Điểm thi Bài 1 + Điểm thi Bài 2

Các trường hợp khác do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2.5.2. Đối với ứng viên là công dân nước ngoài

Trường thực hiện tuyển sinh trình độ thạc sĩ đối với người nước ngoài theo phương thức xét tuyển. Việc xét tuyển đối với người nước ngoài do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

Chỉ tiêu tuyển sinh người nước ngoài được tính trong chỉ tiêu chung của các ngành đào tạo của Nhà trường.

2.6. Lệ phí dự tuyển, học phí và chính sách hỗ trợ

- Lệ phí dự tuyển: Miễn phí

Học phí cho năm học 2025-2026: 985.000 đồng/tín chỉ. Đơn giá này thay đổi theo quy định của Chính phủ.

- **Chính sách hỗ trợ:**

Những thí sinh trúng tuyển sẽ được xem xét hưởng các chính sách hỗ trợ như sau:

- + Được xem xét tài trợ 100% học phí từ nguồn kinh phí của dự án ODA (Hàn Quốc)
- + Được xét cấp học bổng cho học viên trúng tuyển chương trình Thạc sĩ theo dự án ODA.

2.7. Hồ sơ dự tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển
- Bản sao có chứng thực sao y các giấy tờ sau:
 - + Bằng tốt nghiệp Đại học (hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp Đại học/Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo Đại học);
 - + Bảng điểm tốt nghiệp đại học;
 - + Minh chứng năng lực ngoại ngữ;
- 02 ảnh thẻ 3x4cm (nền trắng, áo có cổ), chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- Danh mục các công trình nghiên cứu, kèm bản sao các bài báo, công trình khoa học đã công bố (nếu có).

2.8. Đăng ký dự tuyển

Thí sinh đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến tại trang Tuyển sinh của Trường địa chỉ: <https://sdh.vku.udn.vn/>

Thời gian đăng ký và nộp hồ sơ: theo Thông báo tuyển sinh.

2.9. Thời gian xét tuyển và nhập học

Việc xét tuyển/thi tuyển và nhập học được thực hiện nhiều đợt trong năm. Thời gian xét tuyển/thi tuyển và nhập học của từng đợt sẽ được công bố trong Thông báo tuyển sinh. Lưu ý: Đối với ngành tuyển sinh, Nhà trường tổ chức đào tạo nếu tổng số lượng thí sinh trúng tuyển của từng đợt tuyển sinh (theo từng định hướng đào tạo và hình thức đào tạo) lớn hơn hoặc bằng 10. Nếu tổng số

lượng thí sinh trúng tuyển của từng đợt tuyển sinh (theo từng định hướng đào tạo và hình thức đào tạo) nhỏ hơn 10, tùy từng trường hợp, Nhà trường xem xét để quyết định đào tạo hoặc bảo lưu kết quả cho đợt tuyển sinh tiếp theo.

2.10. Thông tin liên hệ tuyển sinh

- Về hồ sơ đăng ký xét tuyển, thí sinh liên hệ Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn; Số 470 Trần Đại Nghĩa, Quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;

Điện thoại: 02363.667.113;

Email: daotao@vku.edu.vn

Phần 3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký

túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 21,5 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 3.328 m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	78	7.051
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	655
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	7	1.305
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	58	4.285
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	6	356
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	5	450
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.000

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	47	18.713
	Tổng	126	26.764

3.1.2. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

a. Học liệu (sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, ...)

TT	Lĩnh vực	Số lượng tài liệu	Ghi chú
1	Máy tính và Công nghệ thông tin	9140	

b. Thư viện và cơ sở dữ liệu điện tử

TT	Tên thư viện, cơ sở dữ liệu tài nguyên	Tên nước	Đường dẫn
1	Thư viện điện tử VKU	Việt Nam	https://elib.vku.udn.vn

3.2. Điều kiện giảng viên

TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Khoa/bộ môn
1	Huỳnh Công Pháp 30/12/1977	TS, Pháp, 2010	PGS	hcphap@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
2	Nguyễn Thanh Bình 16/6/1975	TS, Pháp, 2004	PGS	ntbinh@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
3	Trần Thế Sơn 7/5/1972	TS, Anh, 2014		ttson@vku.udn.vn	KTMT &ĐT
4	Nguyễn Đức Hiền 13/12/1973	TS, Việt Nam, 2019		ndhien@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
5	Đặng Đại Thọ 17/4/1978	TS, Hàn Quốc, 2021		ddtho@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
6	Lê Thị Thu Nga 24/6/1976	TS, Việt Nam, 2018		ltnnga@vku.udn.vn	Khoa học máy tính

7	Phạm Nguyễn Minh Nhựt 2/2/1972	TS, Việt Nam, 2018		pnmnhut@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
8	Nguyễn Quang Vũ 30/12/1975	TS, Ba Lan, 2016		nqvu@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
9	Huỳnh Ngọc Thọ 18/10/1982	TS, Pháp, 2017		hntho@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
10	Lê Tân 10/06/1970	TS, Pháp, 2016		ltan@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
11	Nguyễn Thanh 10/4/1970	TS, Pháp, 2017		nvaquang@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
12	Nguyễn Văn Bình 10/4/1982	TS, Việt Nam, 2022		dqhien@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
13	Nguyễn Thu Hương 12/12/2984	TS, Pháp, 2021		nthuong@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
14	Hồ Văn Phi 6/6/1980	TS, Hàn Quốc, 2017		hvphi@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
15	Nguyễn Văn Lợi 4/9/1979	TS, Hàn Quốc, 2017		nvloi@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
16	Trần Văn Đại 11/8/1979	TS, Hàn Quốc, 2020		tvdai@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
17	Lý Quỳnh Trân 4/3/1981	TS, Úc, 2018		lqtrang@vku.udn.vn	Khoa học máy tính
18	Nguyễn Vũ Anh Quang 8/6/1981	TS, Hàn Quốc, 2016		nvaquang@vku.udn.vn	KTMT& ĐT
19	Đặng Quang Hiền 27/11/1980	TS, Hàn Quốc, 2017		dqhien@vku.udn.vn	KTMT& ĐT
20	Hoàng Hữu Đức 18/06/1975	TS, Hàn Quốc, 2017		hhduc@vku.udn.vn	KTMT& ĐT
21	Dương Hữu Ái 23/3/80	TS, Việt Nam, 2018		dhai@vku.udn.vn	KTMT& ĐT

CÔNG
 HỒNG
 AN

22	Nguyễn Hữu Nhật Minh 29/9/1990	TS, Hàn Quốc, 2020		nhnminh@vku.udn.vn	KTMT& ĐT
23	Phan Thị Lan Anh 3/8/1987	TS, Hàn Quốc, 2020		ptlanh@vku.udn.vn	KTMT& ĐT
24	Nguyễn Vũ 12/03/1983	TS, Đức, 2021		nvu@vku.udn.vn	KTMT& ĐT
25	Dương Thị Phương 10/9/1976	TS, Việt Nam, 2019		dtphuong@vku.udn.vn	Tổ Cơ bản

3.3. Đường link công khai điều kiện bảo đảm chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://vku.udn.vn/cong-khai-nam-hoc>

3.4. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://sdh.vku.udn.vn/>

3.5. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT

<https://sdh.vku.udn.vn/>

Ngày tháng năm 2026

Cán bộ kê khai



Nguyễn Quang Vũ

nqv@vku.udn.vn

0901.982982

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Huỳnh Ngọc Thọ

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ PHÙ HỢP CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1.	7480101	Khoa học máy tính	
2.	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
3.	7480103	Kỹ thuật phần mềm	
4.	7480104	Hệ thống thông tin	
5.	7480106	Kỹ thuật máy tính	
6.	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	
7.	7480201	Công nghệ thông tin	
8.	7480202	An toàn thông tin	
9.	7140210	Sư phạm Tin học	
10.	7140209	Sư phạm Toán học	
11.	7460107	Khoa học tính toán	
12.	7460112	Toán ứng dụng	
13.	7460117	Toán tin	
14.	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	
15.	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	

ke

PHỤ LỤC 2

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test	N4	N3

		(JLPT)		
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
7	Tiếng Hàn		Торик 3	Торик 4

μ